

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 18-12-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Như Cường

2. Bà Hà Thị Minh Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thu Huyền Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Phú Ngọc- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-11-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Xuân K, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Xuân K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã cùng ngồi lại nói chuyện nhưng không có kết quả. Vợ chồng cũng đã đề cập đến chuyện ly hôn nhưng sau đó được hai bên gia đình khuyên ngăn

nên vợ chồng đã quyết định cho nhau thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nhưng từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Dương Trung S sinh ngày 26/9/2003 và Dương Thành L sinh ngày 18/7/2014. Hiện nay cháu S đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Dương Thành L, ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị đã tự thỏa thuận xong việc phân chia tài sản chung. Ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị xác định thời điểm kết hôn đúng như anh K trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2024 anh K dọn về ở cùng mẹ đẻ và cắt đứt liên lạc với mẹ con chị. Nay anh K làm đơn xin ly hôn, bản thân chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Chị không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Dương Trung S sinh ngày 26/9/2003 và Dương Thành L sinh ngày 18/7/2014. Hiện nay cháu S đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Dương Thành L, hiện nay đang ở cùng chị. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là Dương Thành L, yêu cầu anh K cấp dưỡng với mức 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị có làm đơn đề nghị chia tài sản chung, nhưng sau đó do chị không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung. Đến ngày 12/12/2024 chị và anh K đã tự thỏa thuận xong về việc phân chia tài sản chung. Do đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Dương Thành L thể hiện cháu có nguyện vọng muốn ở với bố nếu bố, mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại buổi hòa giải anh K, chị H không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Dương Xuân K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Cao Thị H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là Dương Thành L, yêu cầu anh K cấp dưỡng với mức 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Xuân K, cho anh Dương Xuân K được ly hôn chị Cao Thị H, giao con là Dương Thành L sinh ngày 18/7/2014 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh K, chị H đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Cao Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Dương Xuân K và chị Cao Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/11/2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh Dương Xuân K cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng cũng đã có lần đề cập đến chuyện ly hôn nhưng sau đó được hai bên gia đình khuyên ngăn nên vợ chồng đã quyết định cho nhau thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm, nhưng từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Vợ chồng đã sống ly hôn từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị Cao Thị H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, chị xác định từ đầu năm 2024 đến nay anh K đã về ở cùng mẹ đẻ anh K, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, anh K chặn các số liên lạc và không có liên lạc gì với chị. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng giữa anh K và chị H cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trên thực tế anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giữa vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không

còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh K được ly hôn chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Dương Trung S sinh ngày 26/9/2003 và Dương Thành L sinh ngày 18/7/2014. Hiện cháu S đã trưởng thành anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Dương Thành L anh K và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nếu được nuôi con anh Dương Xuân K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu được nuôi con chị H yêu cầu anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Dương Thành L, thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với bố trong trường hợp bố, mẹ ly hôn. Mặt khác, hiện nay anh K đang có việc làm và chỗ ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao con cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án chị H có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 257/2024/TB-TA ngày 07/11/2024 và tổng đạt trực tiếp cho chị H. Tuy nhiên hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chị H không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án mà không có lý do chính đáng nên Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện số 64/TB-TA ngày 15/11/2024 cho chị H. Thông báo đã được tổng đạt hợp lệ cho chị H và hết thời hạn theo quy định không có khiếu nại, kiến nghị gì. Tại phiên tòa các đương sự anh Dương Xuân K và chị Cao Thị H cùng xác nhận đã tự thỏa thuận và tự phân chia tài sản chung vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến việc chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Anh Dương Xuân K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Xuân K được ly hôn chị Cao Thị H.

2. Về con chung: Giao con là Dương Thành L sinh ngày 18/7/2014 cho anh Dương Xuân K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Cao Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Xuân K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001079 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 01-10-2024 (xác nhận anh K đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Anh Dương Xuân K và chị Cao Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Xuân Ái, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Mai Thị Thu Hương**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Như Cường Hà Thị Minh Q**

**Mai Thị Thu H1**

*Nơi nhận:*

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Xuân Ái, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hương**